



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sóng Đà
Số 165 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC	TRANG
NỘI DUNG	
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998 thì vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 VND** (Một trăm tỷ đồng).

Nghành nghề kinh doanh của đơn vị

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội
Tel: (04) 3718 4193 Fax: (04) 3718 4190

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Bạch Yến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Trí	Ủy Viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Ủy Viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy Viên
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy Viên
Ông Nguyễn Trung Chính	Ủy Viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Bạch Yến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI



Trần Thị Bạch Yến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

28-0
T. X
A. H. U. Q.
A. D. I. N. H.
H. A. M.
T. P.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 38 -13/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 04 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.



Báo cáo kiểm toán này được lập thành mười lăm (15) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội giữ 14 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: (04) 3718 4193 Fax: (04) 3718 4190

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2012

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		23.486.809.718	28.767.336.797
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	4.757.862.381	19.113.694.810
1 Tiền	111		1.757.862.381	613.694.810
2 Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	18.500.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	11.500.000.000	5.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		11.500.000.000	5.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.316.599.972	1.183.844.526
1 Phải thu của khách hàng	131	VII.2.1	863.451.770	1.016.722.436
2 Trả trước cho người bán	132	VII.2.2	2.647.719.177	263.922.090
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	9.025	-
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(194.580.000)	(96.800.000)
IV Hàng tồn kho	140		1.515.489.175	1.614.975.354
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	1.515.489.175	1.614.975.354
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.396.858.190	1.854.822.107
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		355.835.147	216.193.662
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.984.115.043	1.521.318.445
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.3	56.908.000	117.310.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		100.424.298.180	87.881.256.760
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		84.407.052.348	80.245.612.432
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	75.783.293.532	70.960.369.430
- Nguyên giá	222		178.598.333.166	165.748.826.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.815.039.634)	(94.788.457.271)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	8.319.775.382	9.285.243.002
- Nguyên giá	228		16.356.833.000	16.356.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.037.057.618)	(7.071.589.998)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	303.983.434	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		16.017.245.832	7.635.644.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	16.017.245.832	7.635.644.328
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		123.911.107.898	116.648.593.557

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

12/2012
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ
 VIẾT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.352.581.910	8.291.186.426
I Nợ ngắn hạn	310		15.094.854.635	7.898.692.609
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312	VII.2.4	1.322.111.996	3.995.679.139
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.2.5	264.880.000	212.970.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	328.551.913	718.719.353
5 Phải trả người lao động	315		1.442.270.625	1.054.640.695
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	9.116.223.056	597.057.057
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	1.587.172.003	1.237.193.323
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.033.645.042	82.433.042
II Nợ dài hạn	330		257.727.275	392.493.817
3 Phải trả dài hạn khác	333	VII.2.6	205.000.000	205.000.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	VII.2.7	52.727.275	187.493.817
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		108.558.525.988	108.357.407.131
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12.	108.558.525.988	108.357.407.131
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		(28.000.000)	(28.000.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		1.501.511.767	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.032.365.342	1.281.609.458
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		997.336.022	246.580.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.918.562.857	5.720.467.673
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		123.911.107.898	116.648.593.557

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập



Đinh Đặng Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tuyên

Tổng Giám đốc



Trần Thị Bạch Yến



228-
 G TY
 M HỮU
 VÀ ĐINH
 NAM
 TP.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	103.999.398.147	93.828.954.409
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.14.	188.820.508	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	103.810.577.639	93.828.954.409
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	38.528.497.938	33.103.562.370
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		65.282.079.701	60.725.392.039
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	3.414.798.658	4.207.399.391
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	-	34.600.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	34.600.000
8 Chi phí bán hàng	24	VII.2.8	24.905.897.110	21.990.126.367
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.9	27.808.269.332	23.348.136.616
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		15.982.711.917	19.559.928.447
11 Thu nhập khác	31	VII.2.10	1.063.855.125	588.830.115
12 Chi phí khác	32	VII.2.11	658.283.232	21.184.631
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		405.571.893	567.645.484
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.388.283.810	20.127.573.931
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	4.175.070.953	5.112.456.258
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.213.212.857	15.015.117.673
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	1.171	1.615

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập



Đinh Đặng Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tuyền

Tổng Giám đốc



Trần Thị Bạch Yến



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		115.105.549.978	101.960.372.910
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(56.190.757.899)	(49.619.896.697)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.911.068.857)	(11.334.189.060)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(34.120.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.520.526.558)	(2.396.722.819)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.274.595.134	6.282.402.040
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.348.759.623)	(20.159.322.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.409.032.175	24.698.523.819
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.688.030.398)	(4.815.885.947)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		136.363.636	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.500.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.000.000.000	8.300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.414.798.658	4.207.399.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.636.868.104)	2.736.967.989
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2.600.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.600.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.127.996.500)	(9.139.622.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.127.996.500)	(9.139.622.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(14.355.832.429)	18.295.869.808
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.113.694.810	817.825.002
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	4.757.862.381	19.113.694.810

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Đặng Ngọc Anh



Vũ Quang Tuyên



Trần Thị Bạch Yến



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998 thì vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 VND** (Một trăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội
Tel: (04) 3718 4193 Fax: (04) 3718 4190

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

10120
CÔ
CH N
M T
VIỆ
GI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Bravo.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

2228

H. T.
K. M. H.
V. Đ.
T. N.

2 - T.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	11 - 14
Phần mềm kế toán	3



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh; Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm; Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán. Các chi phí có thời gian phân bổ dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, các chi phí có thời gian phân bổ từ 1 năm trở lên được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước dựa trên hợp đồng và dự toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đã phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, được ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

9.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí phát sinh trong quá trình mua sắm hoặc xây dựng để hình thành các tài sản phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp.

9.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng đồ chơi, và 10% đối với các dịch vụ vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

9.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Tiền mặt</i>	31.295.017	267.045.491
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	1.726.567.364	346.649.319
<i>Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Tây Hồ</i>	-	60.870.537
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh-CN Hà Nội</i>	-	8.689.477
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	786.639.825	40.836.504
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	833.233.379	163.714.981
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Quán Thánh</i>	106.694.160	72.537.820
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	3.000.000.000	18.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	3.000.000.000	4.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	-	8.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Quán Thánh</i>	-	6.000.000.000
Cộng	4.757.862.381	19.113.694.810
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	11.500.000.000	5.000.000.000
<i>Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn</i>	11.500.000.000	5.000.000.000
<i>Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i>	6.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - PGD. Quán Thánh</i>	3.500.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	2.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	11.500.000.000	5.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Lê Minh Trường</i>	9.025	-
Cộng	9.025	-
4. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	891.563.152	1.054.420.687
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	183.060.620	229.616.991
<i>Hàng hoá</i>	440.865.403	330.937.676
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.515.489.175	1.614.975.354

222
 NG
 HIỆM
 N VÀ
 T N
 Y -

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIÁO TRÍ HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội
Tel: (04) 3718 4193 Fax: (04) 3718 4190

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND				Cộng
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2012		71.756.123.815	91.363.057.620	2.432.846.433	196.798.833	165.748.826.701
Mua trong năm		-	2.374.404.545	-	26.842.727	2.401.247.272
Đầu tư XDCB hoàn thành		15.904.565.822	-	-	-	15.904.565.822
Tăng khác		-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		(1.123.025.812)	(3.834.400.877)	(498.879.940)	-	(5.456.306.629) ✓
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012		86.537.663.825	89.903.061.288	1.933.966.493	223.641.560	178.598.333.166
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2012		39.734.770.323	54.081.753.080	814.167.580	157.766.288	94.788.457.271
Khấu hao trong năm		6.128.029.172	6.464.950.328	270.993.936	27.014.091	12.890.987.527
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		(901.204.189)	(3.464.321.035)	(498.879.940)	-	(4.864.405.164)
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012		44.961.595.306	57.082.382.373	586.281.576	184.780.379	102.815.039.634
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012		32.021.353.492	37.281.304.540	1.618.678.853	39.032.545	70.960.369.430
Tại ngày 31/12/2012		41.576.068.519	32.820.678.915	1.347.684.917	38.861.181	75.783.293.532

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.289.510.529 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	
		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Đơn vị tính: VND</i>			
6. Tài sản cố định vô hình			
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2012	52.650.000	16.304.183.000	16.356.833.000
Mua trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	52.650.000	16.304.183.000	16.356.833.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2012	9.603.750	7.061.986.248	7.071.589.998
Khấu hao trong năm	17.550.000	947.917.620	965.467.620
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	27.153.750	8.009.903.868	8.037.057.618
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	43.046.250	9.242.196.752	9.285.243.002
Tại ngày 31/12/2012	25.496.250	8.294.279.132	8.319.775.382
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
Hạng mục công trình ngầm hóa kênh mương		299.518.727	-
Hạng mục công trình Nhà dịch vụ tổng hợp khu vực công vào CVHT		4.464.707	-
Cộng		303.983.434	-
8. Chi phí trả trước dài hạn			
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		1.024.482.200	1.748.322.338
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		14.992.763.632	5.887.321.990
Cộng		16.017.245.832	7.635.644.328
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
Thuế thu nhập doanh nghiệp		317.000.653	662.456.258
Thuế thu nhập cá nhân		10.645.980	53.913.735
Thuế tài nguyên		905.280	2.349.360
Cộng		328.551.913	718.719.353

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí theo hợp đồng đã thực hiện	-	40.000.000
Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	70.000.000	60.000.000
Tiền ăn trưa	-	187.200.000
Tiền đồng phục công nhân viên	-	187.200.000
Trích trước chi phí xây dựng nhà mở rộng	-	65.246.085
Chi phí tiền thuê đất phải trả	1.232.859.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Tiên Việt	299.500.000	-
Phải trả TCT du lịch Hà Nội	34.352.000	-
Chi phí lát gạch sân trước khu vực nhà bảo vệ theo hợp đồng	297.261.818	-
Chi phí thi công cải tạo hạng mục SK thuyền	327.446.310	-
Chi phí phá dỡ sân khấu nghìn năm	114.680.000	-
Chi phí sửa chữa chân Ròng thép Thăng Long	182.070.909	-
Chi phí thi công mái che nhà ga tàu điện trên không	105.454.545	-
Chi phí sửa chữa quầy bar nhà hàng sen hồng	106.363.636	-
Chi phí sửa chữa thay dầu máy biển áp	104.545.454	-
Hạng mục thi công Nhà ga tàu điện trên không	2.042.352.495	-
Hạng mục Nhà kho bên công viên mặt trời mới mở rộng	700.000.000	-
Hạng mục thi công Nhà vệ sinh khu Mặt trời mới mở rộng	737.867.698	-
Hạng mục thi công Nhà hàng Ban Mai trong Công viên Mặt trời mới	1.393.904.546	-
Hạng mục Nhà hàng bên Công viên Mặt trời mới mở rộng	792.057.467	-
Hạng mục Quầy bát giác trong Công viên nước	500.382.186	-
Đối tượng khác	75.124.992	57.410.972
Cộng	9.116.223.056	597.057.057
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	165.429.687	98.736.870
Phải trả, phải nộp khác	1.421.742.316	1.138.456.453
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2001</i>	<i>27.048.470</i>	<i>31.807.970</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2009</i>	<i>114.036.000</i>	<i>140.188.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010</i>	<i>205.101.000</i>	<i>312.741.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011</i>	<i>350.250.000</i>	<i>609.855.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012</i>	<i>564.810.000</i>	-
<i>Nghiêm Thị Hồng Hạnh</i>	<i>139.500.000</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>20.996.846</i>	<i>43.864.483</i>
Cộng	1.587.172.003	1.237.193.323

31/12/2012
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
 CHỖ CHỮ KÝ
 VIỆT
 GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2012

Mẫu số B 09 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội
Tel: (04) 3718.4193 Fax: (04) 3718.4190

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND					
	1	2	3	6	7	
12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
A						
Số dư ngày 01/01/2011	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	912.270.066	102.021.020.066	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	15.015.117.673	15.015.117.673	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Chia cổ tức	-	-	-	(9.294.650.000)	(9.294.650.000)	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(896.853.266)	(896.853.266)	
- Giảm khác	-	-	-	(15.416.800)	(15.416.800)	
Số dư ngày 31/12/2011	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.720.467.673	106.829.217.673	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	12.213.212.857	12.213.212.857	
- Chia cổ tức	-	-	-	(9.294.650.000)	(9.294.650.000)	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(5.720.467.673)	(5.720.467.673)	
Số dư ngày 31/12/2012	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	2.918.562.857	104.027.312.857	
12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				31/12/2012	01/01/2012	
				VND	VND	
- Tổng Công ty Du lịch Hà Nội				42.700.000.000	42.700.000.000	
- Tập đoàn Bảo Việt				18.000.000.000	18.000.000.000	
- Công ty TNHH Trí Thành				5.250.000.000	5.250.000.000	
- Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Thành Đô				4.705.000.000	4.705.000.000	
- Ông Nguyễn Trung Chính				1.814.250.000	3.628.250.000	
- Vốn góp của các đối tượng khác				20.505.250.000	18.691.250.000	
Cộng				92.974.500.000	92.974.500.000	

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu kỳ	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.294.650.000	9.294.650.000

12.4 Cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
- Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
- Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
- Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

12.5 Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.501.511.767	-	1.501.511.767
Quỹ dự phòng tài chính	1.281.609.458	750.755.884	-	2.032.365.342
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	246.580.000	750.756.022	-	997.336.022
Cộng	1.528.189.458	3.003.023.673	-	4.531.213.131

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.999.398.147	93.828.954.409
Cộng	103.999.398.147	93.828.954.409

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giảm giá hàng bán	188.820.508	-
Cộng	188.820.508	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.810.577.639	93.828.954.409
Cộng	103.810.577.639	93.828.954.409
16. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	38.528.497.938	33.103.562.370
Cộng	38.528.497.938	33.103.562.370
17. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	3.414.798.658	4.207.399.391
Cộng	3.414.798.658	4.207.399.391
18. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	-	34.600.000
Cộng	-	34.600.000
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	108.289.231.422	98.625.183.915
Chi phí kế toán của doanh nghiệp	91.900.947.612	78.497.609.984
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	312.000.000	322.251.100
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	91.588.947.612	78.175.358.884
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	16.700.283.810	20.449.825.031
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	4.175.070.953	5.112.456.258
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.175.070.953	5.112.456.258
20. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		4.728.952.236
Chi phí nhân công (lương và các khoản trích theo lương)		16.784.572.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định		13.856.455.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài		39.131.703.404

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

Chi phí khác bằng tiền		9.601.729.398
Cộng		84.103.412.269
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.213.212.857	15.015.117.673
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	1.330.845.185	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.882.367.672	15.015.117.673
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.171	1.615

() Khoản điều chỉnh giảm là khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo dự thảo phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2012 tại ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội.*

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2012
	VND
Lương	881.574.822
Tiền thưởng	419.821.667
Cộng	1.301.396.489

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với	31/12/2012	01/01/2012
	Công ty	VND	VND
Các khoản phải trả			
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	Cổ đông	34.352.000	-

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP Vui chơi Thể Hệ Mới	318.194.200	585.044.800
Công ty TNHH Con Đường Mới	-	33.738.691
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	96.800.000
Công ty CP Truyền thông đa phương tiện Việt Nam	60.000.000	60.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN	20.038.240	21.616.724
Trịnh Mai Lan	7.430.000	170.363.000
Công ty CP LILAMA Hà Nội	-	12.832.000
Công ty TNHH KAI Việt Nam	231.454.000	-
Trường Tiểu Học Bình Minh	10.660.500	-
Nguyễn Thị Ngà	24.260.000	-
Chu Thị Phương	14.381.000	-
Công ty TNHH Du lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	48.259.000	-
Các đối tượng khác	31.974.830	36.327.221
Cộng	863.451.770	1.016.722.436
2.2 Trả trước cho người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	20.000.000
Công ty Điện lực Tây Hồ	-	14.237.055
Công ty CP Thương mại truyền thông Thiên Thanh	-	67.675.000
Công ty CP Thẩm định giá IVC Việt Nam	-	55.000.000
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	670.727.303	50.693.900
Nguyễn Minh	-	22.100.000
Công ty CP Tổ chức biểu diễn và Truyền thông Trung Linh	-	22.420.001
Cao Thị Thanh Cương	14.234.338	-
Công ty Cổ Phần INCOSAF-ICO	12.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng ánh Dương	61.511.402	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	463.963.944	-
Công ty Cổ Phần Kiến Trúc G.A.F	58.641.000	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Giá Trị Gia Tăng GK	589.040.000	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc DHT	76.428.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng và Thương Mại	300.437.072	-
Công ty TNHH Truyền Thông Tiến Việt	164.725.000	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc và Xây Dựng Xanh	225.851.118	-
Các đối tượng khác	9.660.000	11.796.134
Cộng	2.647.719.177	263.922.090
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	35.908.000	96.310.000
Doãn Thế Anh	5.000.000	5.000.000
Trần Quốc Lập	3.188.000	-
Trần Thị Lý	5.000.000	-
Trương Tấn Tài	2.000.000	-
Lê Minh Trường	20.720.000	52.310.000
Đối tượng khác	-	39.000.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	21.000.000	21.000.000
Cộng	56.908.000	117.310.000

120
 CÔNG
 H NH
 TOÁN
 VIỆ
 GIÁ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

2.4 <i>Phải trả người bán</i>	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Nhà nước MTV Đầu tư phát triển thể thao Hà Nội	-	178.728.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	-	1.750.654.831
Công ty TNHH Coca Cola Việt Nam	-	17.502.854
Lê Minh Trường	32.443.007	48.349.955
Xưởng mỹ thuật Tia Chớp	-	31.965.750
Công ty CP Truyền thông Goodcom Việt Nam	77.000.000	110.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thủ Đô	8.000.000	85.000.000
Trần Quốc Lập	41.552.935	67.822.003
Vũ Lệ Thúy	-	65.357.202
Công ty TNHH Cơ khí xây dựng thương mại Anh Quang	224.300.965	776.688.000
Công ty CP Thương mại Hà Nội	97.456.027	97.456.027
Công ty CP Thực phẩm Đức Việt	-	95.217.066
Công ty CP Giải phát Truyền Thông Nhất	-	96.581.100
Trung tâm công nghệ hạ tầng kỹ thuật và Môi trường đô thị	-	83.311.000
Nguyễn Thị Kim Cúc	-	37.766.100
Đỗ Thị Thanh Hà	-	37.061.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Kim Thanh	258.347.544	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Lụa Việt	19.182.558	-
Đặng Minh Thanh	57.870.463	-
Công ty TNHH thương mại dầu khí Phương Bắc	11.123.545	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Hải Thủy	79.912.770	-
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Diệp Anh	16.472.452	-
Công ty CP Tư Vấn Đầu tư và Phát triển CNXD - ICB	39.600.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam	38.599.000	-
Công ty Cổ Phần LILAMA Hà Nội	43.560.000	-
Các đối tượng khác	276.690.730	416.218.251
Cộng	1.322.111.996	3.995.679.139
2.5 <i>Người mua trả tiền trước</i>	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phạm Thị Phương	-	123.500.000
Công ty TNHH Nhóm Mua	-	43.470.000
Công ty Thương Mại và Cung ứng nhân lực	-	9.000.000
Công ty TNHH Mongolian hot - pot	-	9.000.000
Trần Thu Trang	235.000.000	-
Trương Tùng	22.880.000	-
Trịnh Thị Giang	7.000.000	-
Đối tượng khác	-	28.000.000
Cộng	264.880.000	212.970.000

2228
 G T
 M H
 VÀ Đ
 NA
 T T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

2.6 <i>Phải trả dài hạn khác</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phạm Hồng Phương	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Vui chơi Thể Hệ Mới	150.000.000	150.000.000
Công ty CP Thương mại Lựa Việt	45.000.000	45.000.000
Cộng	205.000.000	205.000.000
2.7 <i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Vui chơi Thể Hệ Mới	-	137.493.818
Công ty CP Thương mại Lựa Việt	13.636.364	13.636.363
Công ty TNHH Thương mại - Đầu tư Âu Lạc	36.363.636	36.363.636
Các đối tượng khác	2.727.275	-
Cộng	52.727.275	187.493.817
2.8 <i>Chi phí bán hàng</i>	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	6.645.193.465	5.448.931.550
Chi phí vật liệu, bao bì	17.145.135	30.906.519
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.165.872.041	2.114.363.725
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.422.509.746	2.765.994.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.075.941.512	8.306.505.243
Chi phí bằng tiền khác	2.579.235.211	3.323.424.847
Cộng	24.905.897.110	21.990.126.367
2.9 <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.734.433.808	3.024.194.064
Chi phí vật liệu quản lý	706.082.043	923.430.635
Chi phí đồ dùng văn phòng	429.666.850	381.666.370
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.227.815.205	993.283.789
Thuế, phí và lệ phí	14.643.147.200	12.471.004.140
Chi phí dự phòng	97.780.000	96.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.059.086.331	2.256.873.103
Chi phí bằng tiền khác	3.910.257.895	3.200.884.515
Cộng	27.808.269.332	23.348.136.616
2.10 <i>Thu nhập khác</i>	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu về nhượng bán và thanh lý tài sản	136.363.636	-

10/1/12
 J HAI
 H GI
 M
 H T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
(tiếp theo)

Thu nhập khác	927.491.489	588.830.115
Cộng	1.063.855.125	588.830.115
2.11 Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi về nhượng bán và thanh lý tài sản	623.579.785	-
Chi phí khác	34.703.447	21.184.631
Cộng	658.283.232	21.184.631

2.12 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập

Đinh Đặng Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tuyên

Tổng Giám đốc



Trần Thị Bạch Yến

